

Số: /KH-UBND

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ các văn bản của Trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (*chi tiết Phụ lục I*), Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Đẩy mạnh chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện; lấy dữ liệu, nền tảng số và công nghệ số làm động lực đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, chất lượng cung cấp dịch vụ công.

- Đến năm 2030, tỉnh Đồng Tháp cơ bản hoàn thành xây dựng Chính quyền số, từng bước hình thành chính quyền thông minh vận hành trên nền tảng dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo, hướng tới mô hình quản trị chủ động, dự báo, lấy người dùng làm trung tâm. Các hoạt động cơ bản của cơ quan nhà nước được thực hiện trên các nền tảng số tập trung, thống nhất và liên thông, tạo lập hệ sinh thái số đồng bộ, hiện đại; đồng thời bảo đảm an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân. Trí tuệ nhân tạo trở thành công cụ cốt lõi trong quản trị công, cung cấp dịch vụ công và hỗ trợ ra quyết định chính sách, góp phần nâng cao hiệu quả điều hành và trải nghiệm của người dân, doanh nghiệp.

- Phân đấu Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh (*DTI*) đến năm 2030 đạt tối thiểu 0,75 điểm, thuộc nhóm các địa phương dẫn đầu trong khu vực; chuyển đổi số trở thành động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế hai con số, phát triển nhanh, bền vững kinh tế số, xã hội số, thu hẹp khoảng cách số, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và doanh nghiệp.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

Các mục tiêu cụ thể được xác định theo lộ trình hai giai đoạn (2026 - 2027 và 2028 - 2030), bao gồm: 50 chỉ tiêu, trong đó: nhóm chỉ tiêu phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu quả hoạt động 35 chỉ tiêu; nhóm chỉ tiêu phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng hai con số của nền kinh

tế 07 chỉ tiêu; và nhóm chỉ tiêu phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số 08 chỉ tiêu (*chi tiết tại Phụ lục II*).

II. NHIỆM VỤ

- Các nhiệm vụ triển khai tập trung vào 09 nhóm nhiệm vụ trọng tâm: **(1)** Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số; **(2)** Hoàn thiện thể chế số, chính sách số; **(3)** Phát triển hạ tầng số; **(4)** Nhân lực số; **(5)** Phát triển dữ liệu số; **(6)** An toàn thông tin mạng; **(7)** Chính quyền số; **(8)** Kinh tế số và xã hội số; **(9)** Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, bảo đảm an toàn thông tin.

- Danh mục nhiệm vụ, nội dung, tiến độ và phân công cơ quan chủ trì, phối hợp thực hiện (*chi tiết tại Phụ lục III*).

III. GIẢI PHÁP

1. Phát huy, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành chuyển đổi số

a) Rà soát, kiện toàn Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 cấp tỉnh và cấp xã; phân định rõ vai trò người đứng đầu, cơ quan thường trực và chế độ phối hợp giữa các đơn vị; ban hành chương trình, kế hoạch, quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo, bảo đảm bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ của Trung ương; quy định rõ cơ chế theo dõi, đôn đốc, báo cáo và trách nhiệm giải trình của từng thành viên.

b) Gắn kết chặt chẽ chuyển đổi số với Đề án 06 và cải cách hành chính, bảo đảm mọi nhiệm vụ chuyển đổi số đều phục vụ mục tiêu xây dựng chính quyền số hai cấp vận hành hiệu lực, hiệu quả; thúc đẩy cung cấp dịch vụ công trên môi trường số.

c) Tăng cường kiểm tra, đánh giá định kỳ việc triển khai chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị; kịp thời phát hiện khó khăn, vướng mắc để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xử lý.

d) Nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành thông qua đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng quản trị số cho cán bộ lãnh đạo chủ chốt; thúc đẩy việc sử dụng các hệ thống thông tin, nền tảng số trong công tác chỉ đạo điều hành.

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp

a) Ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ chính quyền

số; đưa nội dung đào tạo kỹ năng số vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học. Đẩy mạnh truyền thông “Chuyển đổi số quốc gia”, Chuyển đổi số tỉnh Đồng Tháp” trên Cổng/ Trang thông tin điện tử, trang mạng xã hội, qua đó thường xuyên chỉ đạo các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường tuyên truyền, hướng dẫn đến từng cán bộ, công chức, viên chức, các cơ quan, đơn vị trực thuộc tham gia vào kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác và đời sống.

b) Tổ chức các hội nghị, hội thảo, các sự kiện về phát triển kinh tế số, xã hội số và kết quả thực hiện các nội dung của Kế hoạch; lồng ghép nội dung về kinh tế số, xã hội số trong các sự kiện, triển lãm về phát triển kinh tế - xã hội.

c) Triển khai các nền tảng đào tạo kỹ năng số cho người dân; phát động và triển khai có hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh.

d) Xây dựng, ứng dụng các nền tảng, kênh tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp; phổ cập điện thoại thông minh đến mọi người dân.

3. Phát triển, thu hút nguồn nhân lực chuyển đổi số

a) Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường quan tâm bố trí cán bộ phụ trách chuyển đổi số của cơ quan, địa phương, thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kiến thức, kỹ năng cho cán bộ làm công tác chuyển đổi số. Triển khai các biện pháp thu hút nhân lực; bồi dưỡng, phát triển nhân lực tại chỗ bằng các chính sách đãi ngộ trong tuyển dụng, chuyển ngạch, nâng ngạch.

b) Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, phổ biến kiến thức, kỹ năng số, bảo đảm an toàn thông tin cho đội ngũ cán bộ công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

c) Tăng cường hợp tác với các cơ quan, tổ chức liên quan, doanh nghiệp công nghệ để thu hút chuyên gia, nguồn lực, tìm hiểu giải pháp, công nghệ phục vụ chuyển đổi số, phát triển các ngành, lĩnh vực đang có xu hướng phát triển như dữ liệu, bán dẫn.

d) Kiện toàn, hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, thành lập tổ ứng cứu công nghệ và nghiệp vụ tại 100% xã, phường. Huy động các tổ chức đoàn thể, đoàn thanh niên, các lực lượng vũ trang, giáo viên, doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tham gia hỗ trợ nhân dân trong việc tiếp cận nâng cao chuyển đổi số.

4. Bảo đảm nguồn lực tài chính

a) Ưu tiên sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác nhằm đa dạng hóa nguồn lực để phát triển chính quyền số; tăng cường thực hiện giải pháp thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

b) Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp để phát triển cơ sở hạ tầng số.

c) Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cho ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) để nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

d) Huy động các nguồn tài chính, lồng ghép các chương trình, dự án, đẩy mạnh xã hội hóa để thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số (*Vốn chương trình mục tiêu quốc gia; Nguồn vốn đầu tư công; Nguồn vốn sự nghiệp; Vốn của các doanh nghiệp*).

đ) Huy động nguồn lực của các Tập đoàn viễn thông trên địa bàn để đẩy mạnh phát triển hạ tầng số. Huy động nguồn lực của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và các nguồn kinh phí hợp pháp khác thông qua các chính sách khuyến khích, thu hút doanh nghiệp công nghệ số đầu tư phát triển chuyển đổi số để thực hiện Kế hoạch của doanh nghiệp.

5. Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức nghiên cứu trong nước và quốc tế

a) Tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích trong việc triển khai Chính quyền số và hỗ trợ cá nhân, tổ chức thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

b) Xây dựng cơ sở dữ liệu về sản phẩm, năng lực sản xuất của doanh nghiệp công nghệ thông tin, tạo điều kiện hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho các tổ chức, cá nhân nhằm triển khai các dịch vụ Chính quyền số thuận lợi.

c) Tiếp tục phối hợp với các tập đoàn, doanh nghiệp công nghệ lớn; các tập đoàn đang có các sản phẩm công nghệ thông tin cung cấp cho Chính phủ, triển khai xây dựng các hệ thống công nghệ thông tin mang tính hệ thống, để thuận lợi trong việc tích hợp, liên thông các hệ thống, khai thác chia sẻ cơ sở dữ liệu dùng chung. Đẩy mạnh các hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ xây dựng Chính quyền số.

d) Tổ chức đoàn trao đổi, học tập kinh nghiệm về chuyển đổi số của một số tỉnh, thành phố có thứ hạng chuyển đổi số cao; tăng cường mối quan hệ hợp tác quốc tế.

6. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

a) Tăng cường nghiên cứu, lựa chọn và ứng dụng các công nghệ số tiên tiến như điện toán đám mây, AI, IoT, dữ liệu lớn, dữ liệu chuỗi khối, tự động hóa... vào quản lý nhà nước, ưu tiên các lĩnh vực phục vụ người dân, doanh nghiệp và vận hành chính quyền số hai cấp.

b) Tăng cường hợp tác với các bộ, ngành, viện nghiên cứu, doanh nghiệp công nghệ để tiếp nhận chuyển giao, thử nghiệm, làm chủ và nhân rộng các công nghệ mới; thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển hệ sinh thái số của tỉnh; Đẩy mạnh nghiên cứu, thử nghiệm các mô hình, giải pháp công nghệ mới phục vụ xây dựng chính quyền số, đô thị thông minh, phát triển kinh tế số; ưu tiên các mô hình tiết kiệm chi phí, triển khai nhanh và phù hợp đặc thù tỉnh.

c) Triển khai hiệu quả nội dung thỏa thuận hợp tác với các tập đoàn, doanh nghiệp công nghệ nhằm huy động nguồn lực, thế mạnh từ các tập đoàn, doanh nghiệp lớn hỗ trợ tỉnh và các ngành, lĩnh vực, địa phương triển khai chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh (Ban Chỉ đạo)

a) Chỉ đạo tổ chức triển khai toàn diện, đồng bộ các nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

b) Giám sát, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và đưa ra định hướng chỉ đạo phù hợp; Đánh giá kết quả thực hiện, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp điều chỉnh, bổ sung, bảo đảm các mục tiêu chiến lược được hoàn thành đúng tiến độ.

c) Tổ chức các hội nghị, phiên họp định kỳ để tập hợp ý kiến, trao đổi kinh nghiệm và định hướng triển khai các nhiệm vụ mang tính đột phá của tỉnh.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, địa phương và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch này; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch hằng năm.

b) Là đầu mối hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện kế hoạch của các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; chủ động phối hợp nắm bắt những khó khăn, vướng mắc đề xuất phương án giải quyết, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

c) Hướng dẫn, giám sát các cơ quan, đơn vị khi triển khai đầu tư ứng dụng CNTT bảo đảm tuân thủ khung kiến trúc số tỉnh, kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin với nhau theo quy định.

d) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương, các Viện, Trường và các tổ chức khoa học và công nghệ định hướng đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh hằng năm triển khai các nhiệm vụ thực hiện mục tiêu chuyển đổi số.

đ) Tham mưu Ban Chỉ đạo và Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc; theo dõi và cập nhật tiến độ thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án; kịp thời phát hiện khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp xử lý; định kỳ trước **ngày 30 tháng cuối quý** báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn.

e) Tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ Kế hoạch chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị, địa phương, gửi Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí triển khai thực hiện theo quy định.

3. Sở Tài chính

a) Phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn vốn triển khai thực hiện các dự án đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công và các quy định liên quan về quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

b) Hằng năm, trên cơ sở tổng hợp dự toán kinh phí của Sở Khoa học và Công nghệ về kế hoạch ứng dụng CNTT và chương trình chuyển đổi số được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện theo khả năng cân đối ngân sách địa phương.

4. Sở Nội vụ

a) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức gắn với nội dung về chuyển đổi số; đổi mới phương pháp, hình thức đào tạo theo hướng số hóa, trực tuyến, có đánh giá đầu ra gắn với tiêu chí thi đua, bổ nhiệm, quy hoạch cán bộ

b) Phát động phong trào thi đua, khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu trong triển khai chuyển đổi số. Đưa kết quả chuyển đổi số vào tiêu chí đánh giá, chấm điểm thi đua các cơ quan, đơn vị.

5. Công an tỉnh

a) Chủ trì, chịu trách nhiệm chính về các nhiệm vụ bảo đảm an toàn, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

b) Chủ trì triển khai Chiến lược dữ liệu tỉnh gắn với nhiệm vụ, định hướng Chiến lược triển khai chuyển đổi số tại Kế hoạch. Phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh trong việc kết nối, khai thác dữ liệu dân cư phục vụ cải cách thủ tục hành chính và phát triển kinh tế - xã hội.

6. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 13

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai nội dung thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh.

7. Thuế tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thúc đẩy việc sử dụng hóa đơn điện tử, gắn với phát triển kinh tế số.

8. Thống kê tỉnh

Đo lường các chỉ tiêu về kinh tế số theo quy định của Trung ương và hướng dẫn của Bộ Tài Chính.

9. Đề nghị Báo và phát thanh, truyền hình Đồng Tháp

Tăng cường phối hợp với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh tuyên truyền chuyển đổi số trên ba trụ cột là chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

10. Các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Căn cứ Kế hoạch này, các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường hằng năm (*trước ngày 30/9 của năm trước liền kề*) xây dựng kế hoạch thực hiện cho năm sau nhằm cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch theo từng năm; trong đó xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, tiến độ, nguồn lực và trách nhiệm thực hiện, bảo đảm phù hợp với lộ trình và yêu cầu triển khai của Kế hoạch; gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, theo dõi và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện.

b) Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với nhiệm vụ ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số một cách thiết thực, hiệu quả; đưa yêu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm. Lấy kết quả lãnh đạo, chỉ đạo ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số, phục vụ xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số là tiêu chí đánh giá trách nhiệm và bình xét thi đua, khen thưởng đối với người đứng đầu các cơ quan, địa phương, đơn vị.

c) Gắn công tác đánh giá, xếp loại với ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; bảo đảm kết nối, liên thông dữ liệu phục vụ đánh giá thường xuyên, liên

tục, đồng thời đưa kết quả đánh giá, xếp loại và trách nhiệm người đứng đầu vào tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện chuyển đổi số hằng năm của cơ quan, đơn vị

d) Khi đầu tư ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số phải bảo đảm hiệu quả, tính thống nhất và đồng bộ, tránh chồng chéo... Đối với các ứng dụng chuyên ngành, triệt để sử dụng các sản phẩm phần mềm do các Bộ, ngành Trung ương đầu tư triển khai theo ngành dọc, bảo đảm tính đồng bộ, tích hợp, liên thông từ cấp tỉnh đến Trung ương.

đ) Chủ động thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số được giao tại Kế hoạch này và các Chương trình, Kế hoạch và chỉ đạo khác về chuyển đổi số.

11. Các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh

a) Tham gia làm nòng cốt triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tạo nền móng chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trong kế hoạch này.

b) Chủ động, đi đầu trong thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của doanh nghiệp, phát triển hạ tầng số, nền tảng số, làm chủ công nghệ lõi, bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

c) Chủ động tư vấn mô hình thí điểm chuyển đổi số toàn diện cấp xã và các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

12. Các trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn tỉnh

a) Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm là đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực CNTT, công nghệ số, chuyển đổi số.

b) Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, các giải pháp ứng dụng công nghệ số trong chuyển đổi số các ngành lĩnh vực, sẵn sàng tham vấn, triển khai các giải pháp cho chuyển đổi số, là đơn vị tiên phong trong đào tạo chuyển đổi số của tỉnh.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

a) Kinh phí thực hiện nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số bao gồm: ngân sách nhà nước; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

b) Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường trên cơ sở Kế hoạch này, chủ động xây dựng Kế hoạch và khái toán kinh phí để triển khai thực hiện chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình; Ủy ban nhân dân các xã, phường ưu tiên sử dụng nguồn vốn tại địa phương để triển khai các nhiệm vụ, chương trình, dự án về chuyển đổi số tại địa phương mình.

c) Huy động các nguồn lực thực hiện chuyển đổi số, lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, đề án có liên quan, nguồn đầu tư của doanh nghiệp, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Huy động nguồn lực từ khu vực tư nhân thông qua các chính sách khuyến khích, thu hút doanh nghiệp công nghệ số đầu tư phát triển chuyển đổi số.

VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

Danh mục nhiệm vụ, dự án ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, triển khai trong giai đoạn 2026 - 2030 (*chi tiết tại Phụ lục IV*).

VII. DANH MỤC NỀN TẢNG SỐ DÙNG CHUNG, HỆ THỐNG THÔNG TIN CHUYÊN NGÀNH DÙNG CHUNG CỦA TỈNH (*chi tiết tại Phụ lục V*)

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026 - 2030. Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện có hiệu quả. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời (*qua Sở Khoa học và Công nghệ*) để tổng hợp báo cáo và đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Như Mục V;
- Lưu: VT, KGVX(vttoan).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Minh Tuấn

Phụ lục I
CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

- Luật Chuyển đổi số; Luật Giao dịch điện tử; Luật Trí tuệ nhân tạo;
- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị định số 224/2026/NĐ-CP ngày 24/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chuyển đổi số;
- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ ban hành kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;
- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 09/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số;
- Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 24/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí, danh mục nền tảng số dùng chung quốc gia trong các

cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

- Nghị quyết 08-NQ/TU ngày 14/01/2026 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về việc phát triển kinh tế số, đổi mới sáng tạo và thúc đẩy hoạt động khoa học công nghệ tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2025 - 2030;

- Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Đồng Tháp;

- Quyết định số 3256/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Kế hoạch hành động triển khai Chương trình phát triển Chính phủ số theo Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ;

- Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 16/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành Khung kiến trúc số tỉnh Đồng Tháp;

- Kế hoạch số 283/KH-UBND ngày 24/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 10-CTr/TU ngày 13/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

- Kế hoạch số 270/KH-UBND ngày 13/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 14/01/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển kinh tế số, đổi mới sáng tạo và thúc đẩy hoạt động khoa học công nghệ tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2025 - 2030.

Phụ lục II
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CHUYỂN ĐỔI SỐ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Chỉ tiêu		Giai đoạn		Cơ quan theo dõi, đánh giá, kiểm tra, tổng hợp báo cáo
			2026 - 2027	2028 - 2030	
I	PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN SỐ NÂNG CAO HIỆU QUẢ, HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG				
1	Cung cấp dịch vụ số bao trùm, thông minh	Tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện được thực hiện trực tuyến toàn trình	100%	Duy trì 100%	Văn phòng UBND tỉnh
2		Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”	-	100%	Văn phòng UBND tỉnh
3		Tỷ lệ hồ sơ kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	100%	100%	Văn phòng UBND tỉnh
4		Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa được tái sử dụng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính	95%	100%	Văn phòng UBND tỉnh
5		Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	85%	≥ 85%	Văn phòng UBND tỉnh
6		Tỷ lệ thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước	100%	100%	Văn phòng UBND tỉnh

TT	Chỉ tiêu		Giai đoạn		Cơ quan theo dõi, đánh giá, kiểm tra, tổng hợp báo cáo
			2026 - 2027	2028 - 2030	
7		Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình được ứng dụng AI trong ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động, nhằm nâng cao hiệu quả, tốc độ và chất lượng phục vụ	Các dịch vụ công thiết yếu	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
8		Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến thiết yếu được triển khai ở mức chủ động, được AI hỗ trợ “cá thể hoá”, thông báo hoặc gợi ý hành động theo các mốc sự kiện quan trọng trong cuộc đời	30%	50%	Sở Khoa học và Công nghệ
9		Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến	95%	99%	Văn phòng UBND tỉnh
10		Tỷ lệ cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa và liên thông với Trung ương	80%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
11		Tỷ lệ dữ liệu của các ban, ngành được tích hợp với nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu LGSP	85%	≥ 85%	Sở Khoa học và Công nghệ
12		Tỷ lệ dữ liệu mở công bố được ghi nhận có lượt truy cập, sử dụng lại hoặc tích hợp vào nền tảng bên ngoài, trong đó có ít nhất 30 sáng kiến đổi mới sáng tạo hoặc sản phẩm dịch vụ kinh tế sử dụng dữ liệu mở do cơ quan nhà nước công bố	50%	70%	Sở Khoa học và Công nghệ

TT	Chỉ tiêu		Giai đoạn		Cơ quan theo dõi, đánh giá, kiểm tra, tổng hợp báo cáo
			2026 - 2027	2028 - 2030	
13		Tỷ lệ các ứng dụng, nền tảng được ban hành theo Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg ngày 15/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ phải được triển khai sử dụng trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
14		Tỷ lệ thủ tục hành chính nội bộ trong từng cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện quản trị nội bộ trên môi trường điện tử	100%	100%	Văn phòng UBND tỉnh
15	Cơ quan nhà nước quản lý, chỉ đạo, điều hành thông minh, an toàn dựa trên dữ liệu	Tỷ lệ các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực phục vụ Chính quyền số hoàn thành, đưa vào sử dụng theo đúng kế hoạch	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
16		100% sở, ban, ngành tỉnh, địa phương đạt cấp độ trưởng thành về quản trị dữ liệu	Cấp độ 3	Cấp độ 4, 5	Sở Khoa học và Công nghệ
17		Tỷ lệ hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu	-	100%	Công an Tỉnh
18		Tỷ lệ hệ thống thông tin của tỉnh vận hành trên nền tảng điện toán đám mây	70%	≥ 70%	Sở Khoa học và Công nghệ
19		Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) ứng dụng công nghệ số tiên tiến, phục vụ chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu và dự báo	Ứng dụng	Ứng dụng	Sở Khoa học và Công nghệ

TT	Chỉ tiêu		Giai đoạn		Cơ quan theo dõi, đánh giá, kiểm tra, tổng hợp báo cáo
			2026 - 2027	2028 - 2030	
20		Tỷ lệ cơ quan, tổ chức sử dụng ít nhất 01 ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính	50%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
21		Tỷ lệ phản hồi, góp ý của người dân từ Cổng dịch vụ công quốc gia, mạng xã hội, hệ thống phản ánh hiện trường,... được trợ lý ảo hỗ trợ xử lý	50%	90%	Văn phòng UBND tỉnh
22		Tỷ lệ nhiệm vụ của các cơ quan hành chính thực hiện được theo dõi, quản lý, giám sát trên môi trường số	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
23		Tỷ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường số	50%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
24		Tỷ lệ sở, ban, ngành tỉnh, địa phương có tối thiểu 01 dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ phát triển Chính quyền số áp dụng mô hình hợp tác công tư (PPP)	50%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
25		Tỷ lệ các hệ thống thông tin phục vụ phát triển Chính quyền số phải được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng theo cấp độ trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; được kiểm tra, đánh giá mức độ bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng định kỳ	100%	100%	Công an Tỉnh

TT	Chỉ tiêu		Giai đoạn		Cơ quan theo dõi, đánh giá, kiểm tra, tổng hợp báo cáo
			2026 - 2027	2028 - 2030	
26		Tỷ lệ cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước sử dụng các dịch vụ điện toán đám mây do doanh nghiệp trong nước cung cấp	50%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
27		Xây dựng đô thị thông minh tại Phường Mỹ Tho, phường Cao Lãnh, phường Sa Đéc và Phường Hồng Ngự	50%	Hoàn thành	Sở Xây dựng
28		Hệ thống dữ liệu số đối với các lĩnh vực trọng tâm về nông nghiệp, tài nguyên môi trường, giao thông, công nghiệp, cấp thoát nước, y tế, giáo dục,...	Tối thiểu 50%	Hoàn thành 100%	Sở Nông nghiệp và Môi trường Sở Xây dựng Sở Y tế Sở Giáo dục và Đào tạo
29		Trung tâm dữ liệu Tỉnh, triển khai kết nối, đồng bộ dữ liệu với Trung tâm dữ liệu quốc gia	-	Hoàn thiện	Sở Khoa học và Công nghệ
30	Phát triển nguồn nhân lực số	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản	95%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
31		Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo kỹ năng số cơ bản	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
32		Tỷ lệ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, dữ liệu của sở, ban, ngành tỉnh, địa phương được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản	50%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ

TT	Chỉ tiêu		Giai đoạn		Cơ quan theo dõi, đánh giá, kiểm tra, tổng hợp báo cáo
			2026 - 2027	2028 - 2030	
33		Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ số trong quản lý, điều hành	90%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
34		Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng trợ lý ảo hoặc công cụ số thông minh để hỗ trợ thực thi công vụ nhằm nâng cao hiệu suất làm việc	80%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
35		Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông	80%	92%	Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Xây dựng, Bảo hiểm xã hội tỉnh
II	PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ, NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH, THÚC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG HAI CON SỐ CỦA NỀN KINH TẾ				
36		Quy mô kinh tế số	15 - 20%	Tối thiểu 30%	Sở Khoa học và Công nghệ
37	<i>Phát triển kinh tế số</i>	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME) sử dụng ít nhất các nền tảng số phục vụ quản trị, sản xuất, kinh doanh (kế toán, hóa đơn điện tử, quản lý bán hàng, nhân sự, kho vận, CRM...) hoặc sử dụng các nền tảng trong Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số quốc gia (bdx.gov.vn)	30%	60%	Sở Tài chính

TT	Chỉ tiêu		Giai đoạn		Cơ quan theo dõi, đánh giá, kiểm tra, tổng hợp báo cáo
			2026 - 2027	2028 - 2030	
38		Tỷ lệ hộ kinh doanh, cửa hàng bán lẻ tham gia sử dụng các nền tảng số thông qua Chương trình hỗ trợ cửa hàng bán lẻ chuyển đổi số (rdx.gov.vn)	50%	80%	Sở Công Thương
39		Số lượng doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh tăng bình quân	1-2 doanh nghiệp	> 5 doanh nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ
40		Giá trị thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh so với GRDP	18 lần	30 lần	Ngân hàng nhà nước chi nhánh Khu vực 13
41		Tỷ lệ cơ sở lưu trú, điểm du lịch sử dụng nền tảng quản trị số; cho phép đặt phòng, đặt dịch vụ trực tuyến và thanh toán không tiền mặt	80%	100%	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
42		Tỷ lệ điểm du lịch trọng điểm được số hóa dữ liệu (điểm đến, dịch vụ, lưu trú, phản hồi du khách) và tích hợp vào hệ sinh thái du lịch số của tỉnh	80%	100%	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
III	PHÁT TRIỂN XÃ HỘI SỐ, THU HẬP KHOẢNG CÁCH SỐ				
43	Xã hội số	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác	95%	> 95%	Ngân hàng nhà nước chi nhánh khu vực 13
44		Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	> 50%	70%	Công an Tỉnh

TT	Chỉ tiêu		Giai đoạn		Cơ quan theo dõi, đánh giá, kiểm tra, tổng hợp báo cáo
			2026 - 2027	2028 - 2030	
45		Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử	85%	95%	Sở Y tế
46		Tỷ lệ người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông	80%	≥ 95%	Sở Khoa học và Công nghệ
47		Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng/% dân số	95%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
48		Tỷ lệ sử dụng IPv6 Việt Nam	95%	≥ 95%	Sở Khoa học và Công nghệ
49		Tỷ lệ người dân có khả năng tiếp cận các kênh truyền thông chính thống trên nền tảng số; Phổ cập nền tảng truyền hình số quốc gia tới 100% hộ gia đình có kết nối Internet	90%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
50		Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến	≥ 80%	≥ 85%	Văn phòng UBND tỉnh

Phụ lục III
DANH MỤC NHIỆM VỤ CHUYÊN ĐỔI SỐ TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Thời gian hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Ghi chú
I	TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH; KIỂM TRA, GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CHUYÊN ĐỔI SỐ				
1	Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo chuyển đổi số; bảo đảm hoạt động chuyển đổi số được triển khai thống nhất, xuyên suốt, có trọng tâm, trọng điểm, được giám sát, đánh giá thường xuyên và kịp thời điều chỉnh.	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Thường xuyên	Báo cáo kết quả	
2	Phát huy vai trò cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Đồng Tháp (gọi tắt là Ban Chỉ đạo) trong tham mưu, điều phối, theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình triển khai chuyển đổi số trên toàn tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên	Báo cáo kết quả	
3	Tăng cường ứng dụng các nền tảng số trong chỉ đạo, điều hành; thực hiện điều hành dựa trên dữ liệu, báo cáo số, thời gian thực.	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên	Kế hoạch/ báo cáo	
4	Xây dựng, hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu, tiêu chí, bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các sở, ban, ngành, địa phương; tổ chức đánh giá định kỳ, khách quan, minh bạch.	Sở Khoa học và Công nghệ	Tháng 12/2026	Quyết định/kế hoạch/Báo cáo kết quả	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Thời gian hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Ghi chú
5	Thực hiện kiểm tra, giám sát thường xuyên và đột xuất việc triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý các tồn tại, hạn chế.	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên	Kế hoạch/ Báo cáo kết quả	
II	HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, CHÍNH SÁCH SỐ				
6	Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Chuyển đổi số. Thường xuyên rà soát, cập nhật định kỳ trong quá trình triển khai thi hành Luật Chuyển đổi số, Luật Công nghệ số để kịp thời điều chỉnh các văn bản liên quan.	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên	Văn bản được ban hành	
7	Rà soát, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, quy định, quy chế quản lý nhằm bảo đảm đồng bộ, thống nhất với chủ trương của Trung ương về chuyển đổi số, Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Ưu tiên hoàn thiện các quy định liên quan đến quản lý, khai thác và chia sẻ dữ liệu; định danh và xác thực điện tử; cung cấp dịch vụ công trực tuyến; ứng dụng trí tuệ nhân tạo; bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng. Kịp thời xây dựng, sửa đổi, ban hành các văn bản và kế hoạch để thực thi kịp thời các chương trình, nhiệm vụ chuyển đổi số theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và Tỉnh ủy.	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên	Nghị quyết/ Quyết định/Kế hoạch/Công văn/Báo cáo	
8	Ban hành các cơ chế khuyến khích thử nghiệm, áp dụng công nghệ mới, mô hình mới (AI, dữ liệu lớn, IoT, chuỗi khối, điện toán đám mây, mô hình sandbox) trong quản lý	Sở Khoa học và Công nghệ	Tháng 12/2027	Nghị quyết/ Quyết định/Kế hoạch	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Thời gian hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Ghi chú
	nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tham gia cung cấp giải pháp, nền tảng số “Make in Vietnam”.				
9	Ban hành danh mục dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở. Quy định cụ thể về trách nhiệm chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước theo nguyên tắc “Dữ liệu của cơ quan nhà nước mặc định mở và chia sẻ, trừ trường hợp pháp luật quy định khác”. Xây dựng, ban hành quy định về quản trị dữ liệu, tiêu chuẩn dữ liệu, chia sẻ, kết nối và tái sử dụng dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước; thúc đẩy nguyên tắc “một lần khai báo, nhiều lần sử dụng”.	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2026	Quyết định/Kế hoạch	
III	HẠ TẦNG SỐ				
10	Quy hoạch, đầu tư phát triển hạ tầng số đồng bộ với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch ngành, lĩnh vực; bảo đảm kết nối thông suốt từ tỉnh đến cơ sở, đáp ứng yêu cầu vận hành chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Tháng 12/2026	Quyết định/Kế hoạch	
11	Phát triển hạ tầng mạng tốc độ cao, ổn định, băng thông rộng đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ, đồng bộ và khai thác dữ liệu. Nâng cấp, mở rộng Mạng truyền số liệu chuyên dùng của tỉnh bảo đảm kết nối thông suốt, an toàn, ổn định	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên	Báo cáo	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Thời gian hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Ghi chú
	từ cấp tỉnh đến cấp xã, đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ, đồng bộ và khai thác dữ liệu phục vụ Chính quyền số.				
12	Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hạ tầng số của tỉnh theo hướng dùng chung, đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp xã. Trong đó, ưu tiên triển khai nền tảng điện toán đám mây phục vụ chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, phù hợp định hướng phát triển Trung tâm dữ liệu quốc gia.	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên	Quyết định/Kế hoạch	
13	Phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng, 5G, Internet vạn vật (IoT); đẩy nhanh lộ trình phủ sóng 5G trên địa bàn tỉnh, bảo đảm vùng phủ rộng, ưu tiên khu đô thị, khu công nghiệp, khu sản xuất nông nghiệp tập trung, khu du lịch. Thúc đẩy triển khai hạ tầng IoT phục vụ quản lý đô thị thông minh, nông nghiệp thông minh, giám sát môi trường, giao thông, phòng chống thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu.	Sở Khoa học và Công nghệ	Tháng 12/2026	Quyết định/Kế hoạch/Báo cáo	
14	Nâng cấp, hoàn thiện nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP), bảo đảm kết nối, liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các hệ thống thông tin của bộ, ngành Trung ương.	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên	Báo cáo	
15	Tổ chức thực hiện nghiêm túc “Chương trình thúc đẩy, triển khai, chuyển đổi IPv6 only cho Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030” bảo đảm lộ trình và yêu cầu kỹ thuật theo quy định.	Sở Khoa học và Công nghệ	Hàng năm	Kế hoạch/Báo cáo	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Thời gian hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Ghi chú
16	Thúc đẩy, hỗ trợ các doanh nghiệp viễn thông tăng cường đầu tư phát triển hạ tầng viễn thông, hạ tầng số tại địa phương nhất là các khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới bảo đảm đáp ứng nhu cầu sử dụng các dịch vụ số, dịch vụ hành chính công tại các trung tâm phục vụ hành chính công ở các xã biên giới góp phần rút ngắn khoảng cách số, nâng cao hiệu quả bảo đảm quốc phòng an ninh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên	Quyết định/Kế hoạch/Báo cáo	
IV	NHÂN LỰC SỐ				
17	Thực hiện rà soát, bố trí đầy đủ cán bộ chuyên trách chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước của tỉnh; ban hành cơ chế thu hút, đãi ngộ để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ chuyên trách chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số.	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Thường xuyên	Báo cáo kết quả	
18	Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản, kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số cho cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Thường xuyên	Báo cáo kết quả	
19	Tiếp tục rà soát, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, cập nhật kiến thức về quản trị hệ thống, an toàn thông tin... cho đội ngũ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số làm việc tại các đơn vị, địa phương. Cử cán bộ có năng lực tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu phù hợp với chuẩn của trong nước và quốc tế về quản trị mạng, an toàn,	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên	Báo cáo	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Thời gian hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Ghi chú
	bảo mật thông tin.				
20	Đẩy mạnh triển khai các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho người dân, doanh nghiệp; các thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng để khai thác sử dụng các nền tảng số, dịch vụ số do chính quyền, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp.	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Thường xuyên	Báo cáo kết quả	
V	PHÁT TRIỂN DỮ LIỆU SỐ				
21	Phát triển, hoàn thiện dữ liệu số các lĩnh vực trọng tâm phục vụ chuyển đổi số toàn diện theo Nghị quyết số 214/NQ-CP của Chính phủ về ban hành Kế hoạch hành động thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện.	Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Xây dựng, Bảo hiểm xã hội	Tháng 12/2028	Quyết định/Kế hoạch/Báo cáo	
22	Thực hiện rà soát, chuẩn hoá dữ liệu, ban hành danh mục dữ liệu chuyên ngành, danh mục dữ liệu mở, danh mục dữ liệu dùng chung theo Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Khung kiến trúc Chính quyền số tỉnh Đồng Tháp để phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu trong hệ thống chính trị theo quy định tại Nghị định 278/2025/NĐ-CP ngày 22/10/2025 của Chính phủ.	Các sở, ban, ngành	Năm 2026	Báo cáo kết quả	
23	Tập trung triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành, dùng chung của tỉnh phù hợp với mô hình, kiến trúc dữ liệu của tỉnh, bảo đảm cơ sở dữ liệu đúng, đủ, sạch, sống và khả năng kết nối, chia sẻ, cung cấp theo quy định. Chủ quản các	Các sở, ban, ngành	Tháng 12/2028	Báo cáo kết quả	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Thời gian hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Ghi chú
	hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tự tổ chức kiểm tra, đánh giá dữ liệu định kỳ và có kế hoạch nâng cấp, hoàn thiện các nguồn dữ liệu chưa đạt yêu cầu để có thể kết nối, tích hợp với các nguồn dữ liệu chung của tỉnh.				
24	Triển khai ứng dụng, kết nối, chia sẻ dữ liệu các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu, nền tảng số do các Bộ, ngành đã hoàn thiện và triển khai quy mô toàn quốc để khai thác, sử dụng hiệu quả dữ liệu, phục vụ công tác quản lý điều hành, phát triển kinh tế - xã hội, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh.	Các sở, ban, ngành	Thường xuyên	Báo cáo kết quả	
25	Thúc đẩy mạnh mẽ việc thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; lưu Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân và tái sử dụng dữ liệu số hóa trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến.	Các sở, ban, ngành	Thường xuyên	Báo cáo kết quả	
VI	AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG				
26	Rà soát, kiểm tra, đánh giá và thẩm định an toàn, an ninh mạng cho các hệ thống thông tin của tỉnh; triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ theo quy định.	Công an tỉnh	Thường xuyên	Báo cáo kết quả	
27	Triển khai vận hành Trung tâm an ninh mạng cho các hệ thống thông tin của tỉnh, bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp; tổ chức tối thiểu 01 cuộc diễn tập thực chiến đối với hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên; triển khai cài đặt	Công an tỉnh	Thường xuyên	Kế hoạch/ Báo cáo kết quả	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Thời gian hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Ghi chú
	phần mềm phòng chống mã độc tập trung cho tất cả các máy trạm của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.				
28	Đào tạo, tuyển dụng đội ngũ cán bộ chuyên trách an toàn thông tin; tổ chức diễn tập và tập huấn định kỳ theo các kịch bản sát thực tế cho cán bộ chuyên trách/phụ trách an toàn thông tin tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong phạm vi quản lý.	Công an tỉnh	Thường xuyên	Kế hoạch/ Báo cáo kết quả	
29	Tăng cường kiểm tra, giám sát, đo lường an toàn thông tin bằng các công cụ trực tuyến; đánh giá định kỳ các hệ thống thông tin; rà soát toàn bộ Cổng/trang thông tin điện tử trong cơ quan nhà nước để thực hiện đánh giá, gắn nhãn tín nhiệm mạng; thường xuyên rà soát, cảnh báo nguy cơ lộ lọt thông tin cá nhân và sự cố an toàn thông tin mạng.	Công an tỉnh	Thường xuyên	Kế hoạch/ Báo cáo kết quả	
VII	CHÍNH QUYỀN SỐ				
30	Triển khai đầy đủ, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp theo Quyết định số 3256/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch hành động triển khai Chương trình phát triển Chính phủ số theo Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ.	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Thường xuyên	Báo cáo kết quả	
31	Triển khai áp dụng các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng theo Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 24/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ: Về việc ban hành tiêu chí, danh mục nền tảng số dùng	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Thường xuyên	Kế hoạch/ Báo cáo kết quả	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Thời gian hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Ghi chú
	chung quốc gia trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị				
32	Triển khai đồng bộ các nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động chỉ đạo, điều hành các cấp chính quyền của tỉnh theo hướng trực tuyến, dựa trên dữ liệu, bảo đảm kết nối liên thông với Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên	Báo cáo	
33	Tăng cường định danh, xác thực người dùng dịch vụ công trực tuyến thông suốt qua VNeID; tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; ứng dụng AI trong hỗ trợ giải quyết thủ tục, cung cấp trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp nhằm nâng cao mức độ hài lòng.	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Thường xuyên	Báo cáo kết quả	
34	Tăng cường ứng dụng giải pháp công nghệ mới, ứng dụng AI để xây dựng, nâng cấp và phát triển các ứng dụng dùng chung của tỉnh, các nền tảng, hệ thống thông tin của ngành, lĩnh vực, đặc biệt là các lĩnh vực có tác động lớn đến xã hội như: Y tế, giáo dục, du lịch, nông nghiệp và môi trường, Giao thông, xây dựng... bảo đảm ổn định, liên tục, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp.	Sở Y tế Sở Giáo dục và Đào tạo Sở VH TT&DL Sở NN&MT Sở Xây dựng	Tháng 12/2028	Kế hoạch/ Báo cáo kết quả	
35	Nghiên cứu và từng bước triển khai Trợ lý ảo trong cơ quan nhà nước để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao năng suất, hiệu quả công tác.	Sở Khoa học và Công nghệ	Tháng 12/2027	Kế hoạch/ Báo cáo kết quả	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Thời gian hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Ghi chú
36	Nghiên cứu triển khai thí điểm mô hình chuyển đổi số cấp xã, trên cơ sở kết quả đạt được của mô hình, thành công lan tỏa kinh nghiệm hay cách làm tốt để nhân rộng mô hình đến các xã, phường trên địa bàn tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Tháng 12/2027	Kế hoạch/ Báo cáo kết quả	
37	Triển khai áp dụng công nghệ mới nhất về ứng dụng di động, phân tích dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, thực tế ảo/thực tế tăng cường, chuỗi khối,... để thực hiện chuyển đổi số toàn diện các mặt công tác chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Tháng 12/2029	Kế hoạch/ Báo cáo kết quả	
38	Nâng cấp Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) cấp tỉnh, kết nối với các hệ thống thông tin, CSDL nội bộ của tỉnh và kết nối với CSDL bộ, ngành thông qua hệ thống trung gian (Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia; nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp bộ, cấp tỉnh) theo Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số, Khung Kiến trúc số tỉnh để trao đổi, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin khác.	Sở Khoa học và Công nghệ	Tháng 12/2029	Kế hoạch/ Báo cáo kết quả	
VIII	KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ				
39	Tập trung tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại điện tử đa dạng trên các sàn thương mại điện tử lớn, có uy tín để tạo sức lan tỏa trong cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.	Sở Công Thương	Thường xuyên	Kế hoạch/ Báo cáo kết quả	
40	Thúc đẩy chuyển đổi số tại các doanh nghiệp sản xuất công	Các sở, ban,	Thường	Báo cáo kết quả	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Thời gian hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Ghi chú
	ngiệp, cải tiến quy trình sản xuất, tăng cường áp dụng các giải pháp công nghệ hiện đại, phát triển quy trình sản xuất mới, tối ưu hóa hiệu quả sản xuất và từng bước chuyển dịch sang tự động hóa, sản xuất thông minh.	ngành; UBND các xã, phường	xuyên		
41	Phối hợp các sở, ngành, địa phương, chỉ đạo các tổ chức tín dụng triển khai các giải pháp thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trong thương mại, dịch vụ và dịch vụ công; chú trọng phát triển các tiện ích thanh toán hiện đại (Mobile Banking, ví điện tử, mã QR code, NFC, POS...) gắn với bảo đảm an ninh, an toàn hoạt động thanh toán.	Ngân hàng nhà nước chi nhánh khu vực 13	Thường xuyên	Kế hoạch/Văn bản chỉ đạo/Báo cáo kết quả	
42	Tổ chức chương trình tập huấn đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị, địa phương để đào tạo, tập huấn làm nòng cốt để triển khai về chuyên đổi số cho ngành, lĩnh vực, cơ quan, đơn vị, địa phương.	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên	Kế hoạch/Báo cáo kết quả	
43	Triển khai các chương trình thúc đẩy phát triển công dân số; khuyến khích mỗi người dân trưởng thành có danh tính số, tài khoản số, được trang bị phương tiện số; hỗ trợ triển khai đào tạo, tập huấn về kỹ năng số cho người dân. Khuyến khích người dân sử dụng các thiết bị IoT để quan trắc, giám sát phục vụ đời sống và hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình. Chú trọng thúc đẩy các chương trình đào tạo kỹ năng số cho người dân nông thôn, hợp tác với các trường đại học để triển khai các khóa học trực tuyến về ứng dụng công nghệ số trong sản xuất nông nghiệp bền vững.	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Thường xuyên	Báo cáo kết quả	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Thời gian hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Ghi chú
44	Nghiên cứu, tổ chức triển khai chương trình dạy và học về kỹ năng số và STEM/STEAM trong giáo dục phổ thông; Nghiên cứu chủ động phối hợp tích hợp với các chương trình đào tạo với sự tham gia của các trường đại học, cao đẳng chuyên ngành để bảo đảm tính thực tiễn và liên thông dữ liệu giữa các cấp học.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Thường xuyên	Kế hoạch/ Báo cáo kết quả	
45	Đào tạo đạt chuẩn kỹ năng số cho sinh viên, học sinh trong các trường đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục phổ thông.	Trường Đại học Tiền Giang; Trường Đại học Đồng Tháp	Tháng 12/2027	Kế hoạch/ Báo cáo kết quả	
46	Tuyên truyền, hướng dẫn và khuyến khích người dân truy cập Internet, đăng ký tài khoản và sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ y tế số, giáo dục số, sử dụng các mạng xã hội, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử và khai thác tiện ích, tài nguyên số trên Internet. Hướng dẫn người dân về các kỹ năng an toàn, bảo mật thông tin cơ bản để có thể tự bảo vệ tài khoản, dữ liệu của mình trên không gian số.	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Thường xuyên	Báo cáo kết quả	
47	Triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp để làm thước đo chuyển đổi số của doanh nghiệp và đánh giá hiệu quả các chương trình, kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số. Định kỳ tổ chức khảo sát đánh giá mức độ chuyển đổi số của các doanh nghiệp theo ngành, lĩnh vực, địa phương.	Sở Khoa học và Công nghệ	Tháng 12/2026	Kế hoạch/ Báo cáo kết quả	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Thời gian hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Ghi chú
IX	NÂNG CAO NHẬN THỨC, TUYÊN TRUYỀN, TRUYỀN THÔNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP KHÁC ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ, BẢO ĐẢM AN TOÀN THÔNG TIN				
48	Định hướng các cơ quan báo chí trong tỉnh và chỉ đạo hệ thống truyền thông cơ sở thông tin, tuyên truyền về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trên Báo chí, Cổng thông tin điện tử, mạng xã hội. Lồng ghép nội dung liên quan đến công tác chuyển đổi số vào Hội nghị giao ban báo chí hàng tháng và định hướng tuần nhằm tuyên truyền rộng rãi các hoạt động ứng dụng và phát triển CNTT của tỉnh; nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen hành vi, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Thường xuyên	Báo cáo kết quả	
49	Ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ số; đưa nội dung đào tạo kỹ năng số vào chương trình giảng dạy trong trường học; xây dựng, ứng dụng các nền tảng đào tạo kỹ năng số cho người dân, doanh nghiệp.	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Thường xuyên	Báo cáo kết quả	
50	Xây dựng đa dạng các sản phẩm truyền thông để tuyên truyền chuyển đổi số (tin bài, phóng sự, hình ảnh...) thông qua nhiều hình thức linh hoạt, trực quan, dễ tiếp cận; tuyên truyền trên các loại hình báo chí, cổng thông tin điện tử,	Báo và phát thanh, truyền hình Đồng Tháp	Thường xuyên	Báo cáo kết quả	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Thời gian hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Ghi chú
	thông tin cơ sở, các nền tảng mạng xã hội.				
51	Tổ chức các hoạt động hướng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp hằng năm. Tổ chức, tham gia các hội nghị, hội thảo, tọa đàm để chia sẻ kinh nghiệm, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân về chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Hằng năm	Kế hoạch/ Báo cáo kết quả	

Phụ lục IV
DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC CHƯƠNG TRÌNH/NHIỆM VỤ/DỰ ÁN
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, CHUYỂN ĐỔI SỐ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Cơ quan lập chủ trương đầu tư	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Hệ thống thông tin ngành khoa học và công nghệ	Sở KH&CN	Sở KH&CN	2027 - 2029	Quyết định số 1504/QĐ-UBND ngày 25/5/2026
2	Hệ thống thông tin ngành Công an (giai đoạn 1)	Công an tỉnh	Công an tỉnh	2025 - 2027	Số 571/QĐ-UBND ngày 28/8/2025
3	Xây dựng Trung tâm thực hành khoa học và giáo dục STEM/STEAM giai đoạn 2025-2026 và tầm nhìn đến năm 2030	Tỉnh đoàn Đồng Tháp	Tỉnh đoàn Đồng Tháp	2025 - 2026	Số 875/QĐ-UBND- HC ngày 28/02/2025
4	Hệ thống thông tin ngành Công Thương (giai đoạn 1)	Sở Công thương	Sở Công thương	2025 - 2027	Số 1721/QĐ-UBND ngày 03/12/2025; số 2480/QĐ-UBND ngày 31/10/2024

STT	Danh mục dự án	Cơ quan lập chủ trương đầu tư	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Ghi chú
5	Hệ thống camera giám sát giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Công an tỉnh	Công an tỉnh	2025 - 2027	Quyết định số 3219/QĐ-UBND ngày 30/12/2025
6	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn trong các ngành, lĩnh vực - giai đoạn 1	Sở KH&CN	Sở KH&CN	2026 - 2028	Quyết định số 1504/QĐ-UBND ngày 25/5/2026
7	Mở rộng hệ thống AI phân tích dữ liệu thu được từ camera	Sở KH&CN	Sở KH&CN	2026 - 2028	
8	Xây dựng ứng dụng công dân số đa nền tảng	Sở KH&CN	Sở KH&CN	2026 - 2028	
9	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn trong các ngành, lĩnh vực - giai đoạn 2	Sở KH&CN	Sở KH&CN	2028 - 2030	
10	Ứng dụng AI trong công tác giải quyết thủ tục hành chính	Sở KH&CN	Sở KH&CN	2027 - 2029	
11	Ứng dụng IoT trong một số ngành, lĩnh vực như: giáo dục thông minh, y tế thông minh, giao thông thông	Các Sở Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Xây dựng,	Các Sở Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Xây dựng,	2026 - 2028 ¹	Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 14/11/2025

¹ Triển khai sau khi có hướng dẫn hoặc sau khi có Đề án /Chương trình ứng dụng IoT do Bộ chủ quản triển khai ứng dụng để bảo đảm gắn kết và đồng bộ từ Trung ương đến địa phương

STT	Danh mục dự án	Cơ quan lập chủ trương đầu tư	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	minh, nông nghiệp thông minh, sản xuất thương mại, quản lý năng lượng	Nông nghiệp và Môi trường	Nông nghiệp và Môi trường		
12	Chuyển đổi số trong hoạt động Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp	VP.ĐĐBQH và HĐND tỉnh	VP. ĐĐBQH và HĐND tỉnh	2026 - 2028	Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 14/11/2025
13	Đầu tư thiết bị phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2026 - 2031	VP.ĐĐBQH và HĐND tỉnh	VP. ĐĐBQH và HĐND tỉnh	2026 - 2028	
14	Xây dựng Trung tâm an ninh mạng	Công an tỉnh	Công an tỉnh	2026 - 2027	
15	Hệ thống thông tin ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở VH,TT&DL	Sở VH,TT&DL	2028 - 2030	
16	Hệ thống thông tin ngành Tài chính	Sở Tài chính	Sở Tài chính	2026 - 2028	
17	Triển khai bệnh án điện tử cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh	Sở Y tế	Sở Y tế	2026 - 2028	
18	Hệ thống thông tin ngành Tư pháp	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp	2026 - 2028	

STT	Danh mục dự án	Cơ quan lập chủ trương đầu tư	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Ghi chú
19	Hệ thống thông tin ngành Giáo dục và Đào tạo	Sở GD&ĐT	Sở GD&ĐT	2026 - 2028	
20	Hệ thống thông tin quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế	BQL Khu kinh tế	BQL Khu kinh tế	2026 - 2028	
21	Xây dựng Hệ thống thông tin quản lý chăm sóc sức khỏe cộng đồng	Sở Y tế	Sở Y tế	2028 - 2030	
22	Hệ thống thông tin ngành Công Thương (Giai đoạn 2)	Sở Công Thương	Sở Công Thương	2028 - 2029	
23	Chuyển đổi số trong du lịch	Sở VH,TT&DL	Sở VH,TT&DL	2026 - 2028	
24	Thư viện điện tử	Sở VH,TT&DL	Sở VH,TT&DL	2026 - 2028	
25	Xây dựng Trung tâm chỉ huy điều hành tác chiến điện tử Công an tỉnh	Công an tỉnh	Công an tỉnh	2026 - 2028	
26	Chuyển đổi số Trường Đại học Tiền Giang	Trường Đại học Tiền Giang	Trường Đại học Tiền Giang	2027 - 2029	

STT	Danh mục dự án	Cơ quan lập chủ trương đầu tư	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Ghi chú
27	Đầu tư hạ tầng cơ sở vật chất cho nghiên cứu khoa học phục vụ hoạt động của Cơ sở bảo tồn sinh vật thuộc Trung tâm Bảo tồn và Hợp tác Quốc tế - Vườn Quốc gia Tràm Chim	Vườn Quốc gia Tràm Chim	Vườn Quốc gia Tràm Chim	2027 - 2029	
28	Mua sắm, trang bị hệ thống camera AI kiểm soát ra/vào tại Khu công nghiệp, Khu kinh tế cửa khẩu	BQL Khu kinh tế	BQL Khu kinh tế	2026 - 2028	
29	Xây dựng hệ thống quản lý quy hoạch hạ tầng đô thị (giai đoạn 2)	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng	2027 - 2029	
30	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh	Sở KH&CN	Sở KH&CN	2026 - 2028	Quyết định số 1504/QĐ-UBND ngày 25/5/2026
31	Xây dựng nền tảng IoT	Sở KH&CN	Sở KH&CN	2026 - 2028	
32	Xây dựng Hệ thống thông tin điều hành y tế thông minh ngành Y tế	Sở Y tế	Sở Y tế	2026 - 2028	Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 14/11/2025
33	Thiết bị phòng chức năng phục vụ dạy học STEM/STEAM	Sở GD&ĐT	Sở GD&ĐT	2026 - 2028	
34	Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng tỉnh Đồng Tháp	VP Tỉnh ủy	VP Tỉnh ủy	2025 - 2027	

STT	Danh mục dự án	Cơ quan lập chủ trương đầu tư	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Ghi chú
35	Xây dựng phần mềm và CSDL quản lý dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng tỉnh Đồng Tháp	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ	2026 - 2028	
36	Đầu tư Trung tâm chuyển đổi số tỉnh Đồng Tháp	Ban QLDA DD&CN	Ban QLDA DD&CN	2028-2030	Quyết định số 1603/QĐ-UBND ngày 30/5/2026
37	Hệ thống giám định ADN phục vụ công tác phòng, chống tội phạm, giai đoạn 2026-2030	Công an tỉnh	Công an tỉnh	2026 - 2028	
38	Mua sắm thiết bị phòng chức năng phục vụ dạy học STEM/STEAM	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	2028 - 2030	
39	Nghiên cứu xây dựng Kho học liệu số, kho tài nguyên học liệu mở phục vụ cho nhiệm vụ đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng của Trường Đại học Tiền Giang	Đại học Tiền Giang	Đại học Tiền Giang	2026	Nguồn vốn sự nghiệp theo Quyết định số 1603/QĐ-UBND ngày 30/5/2026
40	Hệ thống camera giám sát an ninh trật tự khu vực biên giới và tuyến giáp ranh	Công an tỉnh	Công an tỉnh	2026	
41	Xây dựng Hệ thống kiểm soát an ninh thông minh tại trụ sở cơ quan, đơn vị và mục tiêu trọng điểm trên địa bàn tỉnh	Công an tỉnh	Công an tỉnh	2026	

STT	Danh mục dự án	Cơ quan lập chủ trương đầu tư	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Ghi chú
42	Xây dựng “Mô hình tuyến đường giao thông thông minh qua cầu Rạch Miễu 1 và 2”	Công an tỉnh	Công an tỉnh	2026	
43	Đề án phát triển ứng dụng khoa học, công nghệ, trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực an ninh, trật tự và quản lý nhà nước, quản trị xã hội về an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Công an tỉnh	Công an tỉnh	2026	
44	Phần mềm nhận diện hành vi	Công an tỉnh	Công an tỉnh	2026	
45	Nâng cấp hệ thống mạng LAN, thiết bị lưu trữ và bảo mật	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026	
46	Kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin: “Nền tảng dữ liệu số về nông nghiệp và môi trường tỉnh Đồng Tháp”	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026 - 2031	
47	Hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai 29 xã, phường, mở rộng bản đồ nền GIS để áp dụng cho các dữ liệu không gian của các chuyên ngành	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026 - 2027	

STT	Danh mục dự án	Cơ quan lập chủ trương đầu tư	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Ghi chú
48	Đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính, đăng ký đất đai; lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (địa chính) các phường Mỹ Tho, Đạo Thạnh, Mỹ Phong, Thới Sơn, Trung An trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026 - 2027	
49	Đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai; lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (địa chính) trên địa bàn các xã, phường: phường Sơn Qui, xã Gia Thuận, xã Tân Đông thuộc tỉnh Đồng Tháp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026	
50	Rà soát, làm sạch cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026	
51	Hệ thống phần mềm và trang thiết bị triển khai “Phòng họp không giấy”	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	2026	
52	Hệ thống thông tin phục vụ công tác chỉ đạo điều hành phòng chống lụt bão, cứu hộ, cứu nạn và diễn tập khu vực phòng thủ Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	2026	

STT	Danh mục dự án	Cơ quan lập chủ trương đầu tư	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Ghi chú
53	Triển khai hệ thống hạ tầng mạng nội bộ thuộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh bảo đảm an toàn thông tin cấp độ 3	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	2026	
54	Xây dựng phần mềm ứng dụng kết nối Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hỗ trợ công tác quản lý lực lượng dự bị động viên, theo dõi thực hiện nghĩa vụ quân sự trong Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Tháp kết nối với cơ sở dữ liệu Bộ Quốc phòng	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	2026	
55	Dự án Số hóa và tạo lập cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ lịch sử tỉnh Đồng Tháp: giai đoạn 2022-2025 (giai đoạn 2)	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ	2026	
56	Đề án chỉnh lý và số hóa tài liệu trước sắp xếp tổ chức bộ máy của các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026 - 2030	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ	2026-2030	
57	Đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng lĩnh vực khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Vườn Quốc gia Tràm Chim	Vườn Quốc gia Tràm Chim	Vườn Quốc gia Tràm Chim	2026	

STT	Danh mục dự án	Cơ quan lập chủ trương đầu tư	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Ghi chú
58	Hoạt động thuê dịch vụ CNTT, mua sắm thiết bị CNTT, CDS, tập huấn kiểm tra, Hoạt động của Trung tâm tích hợp dữ liệu, IOC, chuyển đổi số cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	2026	
59	Chi hạ tầng số cấp xã	UBND các xã, phường	UBND các xã, phường	2026	
60	Thí điểm Mô hình chuyển đổi số cấp xã theo hướng dẫn của Bộ KH&CN cho 10 địa phương	UBND các xã, phường	UBND các xã, phường	2026	

Phụ lục V
DANH MỤC CÁC NỀN TẢNG SỐ, HỆ THỐNG THÔNG TIN VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU DÙNG CHUNG
TRIỂN KHAI TỪ TRUNG ƯƠNG, TỈNH ĐẾN CẤP XÃ
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Phần A. DANH MỤC CÁC NỀN TẢNG SỐ QUỐC GIA, CÁC NỀN TẢNG SỐ DÙNG CHUNG CỦA NGÀNH, LĨNH VỰC, VÙNG DO CÁC BỘ, NGÀNH, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG TRIỂN KHAI

STT	Tên nền tảng số/Hệ thống thông tin	Đơn vị chủ trì triển khai	Thời gian triển khai	Đơn vị đầu mối tham mưu triển khai tại tỉnh
I	NHÓM CÁC NỀN TẢNG SỐ DÙNG CHUNG QUỐC GIA SỬ DỤNG CHUNG CHO CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC			
1	Cổng Dịch vụ công quốc gia	Bộ Công an	Năm 2026	Công an tỉnh
2	Nền tảng VNeID	Bộ Công an	Năm 2026	Công an tỉnh
3	Nền tảng định danh và xác thực điện tử	Bộ Công an	Năm 2026	Công an tỉnh
4	Trục liên thông văn bản quốc gia	Văn phòng Chính phủ	Đã vận hành	Sở Khoa học và Công nghệ
5	Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia	Bộ Công an	Năm 2026	Công an tỉnh
6	Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia	Bộ Khoa học và Công nghệ	Đã vận hành	Sở Khoa học và Công nghệ
7	Cổng dữ liệu quốc gia	Bộ Công an	Năm 2026	Công an tỉnh
8	Nền tảng điện toán đám mây trong Trung tâm dữ liệu quốc gia	Bộ Công an	Năm 2026	Công an tỉnh
9	Nền tảng chuỗi khối (blockchain) quốc gia	Bộ Công an	Năm 2026	Công an tỉnh

STT	Tên nền tảng số/Hệ thống thông tin	Đơn vị chủ trì triển khai	Thời gian triển khai	Đơn vị đầu mối tham mưu triển khai tại tỉnh
10	Trợ lý ảo quốc gia	Bộ Công an	Năm 2028	Công an tỉnh
11	Trung tâm tính toán hiệu quả nâng cao của Trung tâm dữ liệu quốc gia	Bộ Công an	Năm 2030	Công an tỉnh
12	Nền tảng số từ điển dữ liệu dùng chung	Bộ Công an	Năm 2026	Công an tỉnh
13	Nền tảng SOC quốc gia thế hệ mới (Nền tảng điều hành an mạng quốc gia)	Bộ Công an	Năm 2026	Công an tỉnh
14	Hệ thống phòng vệ mạng quốc gia	Bộ Công an	Năm 2027 - 2028	Công an tỉnh
15	Nền tảng quản lý dữ liệu thống kê	Bộ Tài chính	Năm 2025 - 2030	Thống kê tỉnh (phối hợp Sở Tài chính)
16	Cổng Pháp luật quốc gia	Bộ Tư pháp	Năm 2026	Sở Tư pháp
17	Hệ thống Công báo điện tử nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Văn phòng Chính phủ	Năm 2026	Văn phòng UBND tỉnh
II	NHÓM CÁC NỀN TẢNG SỐ DÙNG CHUNG QUỐC GIA CHO NGÀNH, LĨNH VỰC			
1	Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Công an	Bộ Công an	Năm 2026	Công an tỉnh
2	Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng	Bộ Quốc phòng	Năm 2026	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
3	Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Ngoại giao	Bộ Ngoại giao	Đã vận hành	Văn phòng UBND tỉnh
4	Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Nội vụ	Bộ Nội vụ	Năm 2026	Sở Nội vụ

STT	Tên nền tảng số/Hệ thống thông tin	Đơn vị chủ trì triển khai	Thời gian triển khai	Đơn vị đầu mối tham mưu triển khai tại tỉnh
5	Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Tư pháp	Bộ Tư pháp	Năm 2026	Sở Tư pháp
6	Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Tài chính	Bộ Tài chính	Năm 2026	Sở Tài chính
7	Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Công Thương	Bộ Công Thương	Năm 2026	Sở Công Thương
8	Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Nông nghiệp và môi trường	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Năm 2026	Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Xây dựng	Bộ Xây dựng	Năm 2026	Sở Xây dựng
10	Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Năm 2026	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
11	Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Năm 2026	Sở Khoa học và Công nghệ
12	Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Năm 2026	Sở Giáo dục và Đào tạo
13	Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế	Bộ Y tế	Năm 2026	Sở Y tế
14	Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Năm 2026	Sở Nội vụ

STT	Tên nền tảng số/Hệ thống thông tin	Đơn vị chủ trì triển khai	Thời gian triển khai	Đơn vị đầu mối tham mưu triển khai tại tỉnh
15	Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Ngân hàng nhà nước	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	Năm 2026	Ngân hàng nhà nước chi nhánh Khu vực 13
16	Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thanh tra	Thanh tra Chính phủ	Năm 2026	Thanh tra tỉnh
17	Cổng thông tin một cửa quốc gia	Bộ Tài chính	Năm 2026	Chi Cục hải quan khu vực XX (phối hợp Sở Tài chính)
18	Hệ thống quản lý đấu giá tài sản	Bộ Công an	Năm 2026	Công an tỉnh
19	Nền tảng quản lý doanh nghiệp quốc gia (Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp)	Bộ Tài chính	Năm 2026	Sở Tài chính
20	Nền tảng tài chính số quốc gia (Cơ sở dữ liệu tổng hợp về tài chính)	Bộ Tài chính	Năm 2026 – 2030 (Khi bộ triển khai)	Sở Tài chính
21	Hệ thống công nghệ thông tin thực hiện Hải quan số	Bộ Tài chính	Năm 2028	Chi Cục hải quan khu vực XX (phối hợp Sở Tài chính)
22	Nền tảng Cổng công khai ngân sách nhà nước	Bộ Tài chính	Năm 2026-2030 (Khi bộ triển khai)	Sở Tài chính
23	Hệ thống quản lý thông tin thuế	Bộ Tài chính	Năm 2027-2028 (Khi bộ triển khai)	Thuế tỉnh (phối hợp Sở Tài chính)
24	Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	Bộ Tài chính	Đã vận hành	Sở Tài chính
25	Nền tảng quản lý cán bộ công chức, viên chức quốc gia	Bộ Nội vụ	Năm 2026	Sở Nội vụ

STT	Tên nền tảng số/Hệ thống thông tin	Đơn vị chủ trì triển khai	Thời gian triển khai	Đơn vị đầu mối tham mưu triển khai tại tỉnh
26	Nền tảng hợp đồng lao động điện tử	Bộ Nội vụ	01/7/2026	Sở Nội vụ
27	Sàn giao dịch việc làm quốc gia	Bộ Nội vụ	Năm 2026	Sở Nội vụ
28	Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ	Bộ Nội vụ	Năm 2026 - 2030	Sở Nội vụ
29	Nền tảng Sở sức khỏe điện tử	Bộ Y tế	Năm 2026	Sở Y tế
30	Hệ thống thông tin và Cơ sở dữ liệu quốc gia về An toàn thực phẩm	Bộ Y tế	Năm 2026 - 2030	Sở Y tế
31	Nền tảng quản trị giáo dục quốc gia	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Năm 2026 - 2027	Sở Giáo dục và Đào tạo
32	Nền tảng giáo dục thông minh quốc gia	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Năm 2026 - 2028	Sở Giáo dục và Đào tạo
33	Nền tảng quốc gia về chăn nuôi và thú y	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Năm 2026 - 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường
34	Nền tảng quốc gia về trồng trọt và bảo vệ thực vật	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Năm 2026 - 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường
35	Nền tảng trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ phân tích, cảnh báo thiên tai	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Năm 2026 - 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường
36	Nền tảng trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ ứng phó biến đổi khí hậu	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Năm 2026 - 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường
37	Nền tảng trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ bảo vệ môi trường	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Năm 2026 - 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường
38	Nền tảng quản lý thương mại và thị trường	Bộ Công Thương	Năm 2026 - 2030	Sở Công Thương

STT	Tên nền tảng số/Hệ thống thông tin	Đơn vị chủ trì triển khai	Thời gian triển khai	Đơn vị đầu mối tham mưu triển khai tại tỉnh
39	Nền tảng số pháp luật Việt Nam	Bộ Tư pháp	Năm 2026 - 2030	Sở Tư pháp
40	Nền tảng quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Năm 2026 - 2030	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
41	Nền tảng quản trị và Kinh doanh du lịch	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Năm 2026	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
42	Nền tảng/Cơ sở dữ liệu dân tộc	Bộ Dân tộc và tôn giáo	Năm 2026	Sở Nội vụ
43	Nền tảng/Cơ sở dữ liệu tôn giáo	Bộ Dân tộc và tôn giáo	Năm 2026	Sở Nội vụ
44	Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia	Bộ Khoa học và Công nghệ	Năm 2026	Sở Khoa học và Công nghệ
45	Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Bộ Khoa học và Công nghệ	Năm 2026	Sở Khoa học và Công nghệ
46	Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	Năm 2026	Ngân hàng nhà nước chi nhánh Khu vực 13
47	Hệ thống thông tin tín dụng quốc gia	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	Năm 2026	Ngân hàng nhà nước chi nhánh Khu vực 13
48	Hệ thống thông tin ngân sách và kế toán Nhà nước số (VDBAS)	Bộ Tài chính	Năm 2026	Sở Tài chính
49	Nền tảng/Cơ sở dữ liệu chuyên ngành quản lý chứng khoán	Bộ Tài chính	Năm 2026	Sở Tài chính

STT	Tên nền tảng số/Hệ thống thông tin	Đơn vị chủ trì triển khai	Thời gian triển khai	Đơn vị đầu mối tham mưu triển khai tại tỉnh
50	Nền tảng quản lý hệ thống thông minh đường bộ	Bộ Xây dựng	Năm 2027 - 2030	Sở Xây dựng
51	Nền tảng số công tác tiếp công dân, xử lý đơn giải quyết khiếu nại, tố cáo	Thanh tra Chính phủ	Năm 2026 - 2030	Thanh tra tỉnh
52	Nền tảng số công tác thanh tra	Thanh tra Chính phủ	Năm 2027 - 2030	Thanh tra tỉnh
53	Nền tảng số công tác kiểm soát tài sản, thu nhập	Thanh tra Chính phủ	Năm 2027 - 2030	Thanh tra tỉnh
54	Nền tảng số công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực	Thanh tra Chính phủ	Năm 2027 - 2030	Thanh tra tỉnh
55	Nền tảng số công tác thực hiện trách nhiệm giải trình	Thanh tra Chính phủ	Năm 2027 - 2030	Thanh tra tỉnh

Phần II. DANH MỤC NỀN TẢNG SỐ DÙNG CHUNG, HỆ THỐNG THÔNG TIN CHUYÊN NGÀNH DÙNG CHUNG CẤP TỈNH DO TỈNH TRIỂN KHAI TẬP TRUNG TỪ TỈNH ĐẾN CẤP XÃ

STT	Tên nền tảng số/Hệ thống thông tin	Đơn vị chủ trì triển khai	Phạm vi triển khai	Ghi chú
1	Cổng thông tin điện tử tỉnh Đồng Tháp và Trang thông tin điện tử thành phần.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Triển khai Cổng thông tin điện tử tỉnh. - Triển khai các Cổng/Trang thành phần cho các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các phường, xã.	Quyết định số 19/2026/QĐ-UBND ngày 27/01/2026
2	Tổng đài Thông tin dịch vụ công 1022 tỉnh Đồng Tháp	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Triển khai tập trung cho các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân	Quyết định số 783/QĐ-UBND ngày 17/9/2025

STT	Tên nền tảng số/Hệ thống thông tin	Đơn vị chủ trì triển khai	Phạm vi triển khai	Ghi chú
			dân các phường, xã, và đơn vị trực thuộc.	
3	Hệ thống thông tin báo cáo	Sở Khoa học và Công nghệ	Triển khai tập trung toàn tỉnh.	Quyết định số 152/2025/QĐ-UBND ngày 14/12/2025
4	Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP)	Sở Khoa học và Công nghệ	Triển khai tập trung toàn tỉnh.	Đã triển khai
5	Hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh Đồng Tháp	Sở Khoa học và Công nghệ	Triển khai tập trung toàn tỉnh.	Quyết định số 143/2025/QĐ-UBND ngày 02/12/2025
6	Hệ thống thông tin quản lý văn bản và điều hành tỉnh Đồng Tháp	Sở Khoa học và Công nghệ	Triển khai tập trung toàn tỉnh.	Quyết định số 04/2026/QĐ-UBND ngày 11/01/2026
7	Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến	Sở Khoa học và Công nghệ	Tỉnh triển khai nền tảng phần mềm tập trung cho các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các phường, xã và đơn vị trực thuộc. Đơn vị trang bị thiết bị đầu cuối.	Quyết định số 822/QĐ-UBND ngày 19/9/2025